Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 154/2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bổ sung điểm g1 vào sau điểm g khoản 3 Điều 3 như sau:

"g1) Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 4 như sau:

"3. Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 như sau:

"2. Tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

3. Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.".

4. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 25 như sau:

"3a. Trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong trường hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

"Điều 28. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

1. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước có nội dung được giao quy định chi tiết có trách nhiệm:

a) Đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, trong đó nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết; điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình ban hành;

b) Lập danh mục các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho địa phương quy định chi tiết;

c) Gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản này và danh mục các nội dung giao quy định chi tiết quy định tại điểm b khoản này đến Bộ Tư pháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của

Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông qua; trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất để lập danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; tổ chức họp với các bộ, cơ quan ngang bộ được dự kiến phân công chủ trì soạn thảo và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất ý kiến về danh mục văn bản quy định chi tiết trước khi trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ lập và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật;

c) Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.".

6. Sửa đổi tên điều và sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 29 như sau:

"**Điều 29. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước**".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Chậm nhất là ngày 23 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước về tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp.".

7. Bổ sung Điều 29a vào sau Điều 29 như sau:

"**Điều 29a. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, quyết định đó được ký ban hành;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung thông tư giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư đó được ký ban hành;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành thông tư; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn ban hành văn bản quy định chi tiết;

b) Thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ soạn thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư có nội dung được giao quy định chi tiết về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết để xử lý theo thẩm quyền hoặc để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Văn bản thông báo, đôn đốc, xử lý (nếu có) quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này đồng thời được gửi Bộ Tư pháp.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 như sau:

"2. Sau khi Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật; Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp vào chương trình công tác của Chính phủ; theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, trình nghị định.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

"**Điều 31. Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách phải đánh giá tác động của chính sách mới. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đề xuất chính sách mới, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động đối với chính sách mới đó.

Đối với văn bản do Chính phủ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Chính phủ về nội dung chính sách mới (nếu có); đối với văn bản không do Chính phủ trình, Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thẩm tra để kịp thời báo cáo Chính phủ về nội dung chính sách mới (nếu có).

2. Khi soạn thảo nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật quy định cụ thể các chính sách đã được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo nghị định.

3. Khi soạn thảo nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản.

Khi soạn thảo thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách (nếu có).

4. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được xây dựng theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này và được đưa vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản.".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

"1. Thủ tướng Chính phủ tự mình hoặc theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 146 và khoản 3 Điều 147 của Luật.

Trường hợp cần ban hành thông tư để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật thì trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Văn bản lấy ý kiến gồm các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư quy định tại khoản này.".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43 như sau:

"1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 98 và khoản 4 Điều 109 của Luật.".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

"1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đối với dự thảo nghị quyết, quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo quy định tại khoản 1 Điều 121 và khoản 1 Điều 130 của Luật. Hội đồng tư vấn thẩm định gồm Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp và các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

"1. Đối với nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ ký ban hành, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thay mặt Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ký ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay mặt Ủy ban nhân dân ký ban hành và phải ghi chữ viết tắt "TM." (thay mặt) vào trước từ "Chính phủ", "Hội đồng Thẩm phán" và "Ủy ban nhân dân".

Đối với nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay mặt Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký ban hành và phải ghi chữ "TM." trước chữ "Chính phủ", "Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".

Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước thì Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ký ban hành.

Đối với thông tư liên tịch quy định tại khoản 8a Điều 4 của Luật thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cùng ký ban hành.

Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực.

Trường hợp cấp phó ký thay văn bản thì phải ghi chữ viết tắt "KT." (ký thay) vào trước chức vụ của người có thẩm quyền ký ban hành văn bản.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 7 vào Điều 69 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong văn bản.".

b) Bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Chữ viết hoa trong văn bản được sử dụng đúng quy tắc chính tả tiếng Việt và theo hướng dẫn tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.".

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 72 như sau:

"**Điều 72. Trình bày các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tại chương hoặc điều quy định về điều khoản thi hành**

1. Trường hợp văn bản được ban hành có nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm, cụm từ, từ của các văn bản khác thì các nội dung này được trình bày tại chương hoặc điều quy định về điều khoản thi hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có thể bố cục thành điều, khoản, điểm tùy theo phạm vi và mức độ sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

2. Tại nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ phải xác định rõ phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.".

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

"1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.".

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 103 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Văn bản trái pháp luật gồm văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật; văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Luật;".

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 107 như sau:

"2. Đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 110 như sau:

"2. Hồ sơ kiểm tra văn bản bao gồm: văn bản có nội dung trái pháp luật, phiếu kiểm tra văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này, kết luận kiểm tra văn bản, kết quả xử lý văn bản và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).".

20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 111 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

"a) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành;

b) Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp là đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp, người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước để tự kiểm tra thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.".

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 112 như sau:

"1. Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Nghị định này có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản và báo cáo ngay kết quả kiểm tra văn bản với cơ quan, người đã ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 130 của Nghị định này.".

22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 113 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này và giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra: thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nội dung quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ trong thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm quyền kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều này và giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; nội dung quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp trong thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.".

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 115 như sau:

"5. Kết luận kiểm tra văn bản

Thủ trưởng cơ quan kiểm tra văn bản xem xét, kết luận theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, kết luận về nội dung trái pháp luật của văn bản. Cơ quan kiểm tra văn bản có thể kiến nghị về tính minh bạch, khả thi, hiệu quả của văn bản.".

24. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 118 như sau:

"a) Nội dung trái pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ trong thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành, đồng thời, yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thỏa thuận với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước cùng xử lý văn bản đó;".

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 121 như sau:

"1. Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành gửi đến Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp và tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo ngành, lĩnh vực.

Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ đã liên tịch ban hành gửi đến Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp.".

26. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 122 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Khi kiểm tra, phát hiện văn bản trái pháp luật, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật kết luận kiểm tra, gửi cơ quan, người đã ban hành văn bản để xem xét, xử lý. Đối với nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ trong thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thì sau khi nhận được kết luận kiểm tra, các cơ quan đã ban hành thông tư liên tịch phải phối hợp để xem xét, xử lý văn bản theo quy định;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trường hợp phát hiện nội dung quy định thuộc lĩnh vực của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trong thông tư liên tịch có dấu hiệu trái pháp luật thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (đối với thông tư liên tịch với Bộ Tư pháp) kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.".

27. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 128 như sau:

"a) Đối với các văn bản do người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành được kiểm tra, xử lý theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này. Trường hợp người đã ban hành văn bản không tự kiểm tra, xử lý thì người có thẩm quyền kiểm tra báo cáo, kiến nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xử lý theo thẩm quyền;".

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 129 như sau:

"1. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản gửi kết luận kiểm tra cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi có văn bản được kiểm tra để chỉ đạo, tổ chức việc xử lý văn bản theo quy định. Kết luận kiểm tra đồng thời được gửi cho cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật và tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, cơ quan được Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt giao là đầu mối, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã nơi có văn bản được kiểm tra.

Kết luận kiểm tra theo thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đồng thời gửi Bộ Tư pháp.".

29. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 130 như sau:

"a) Một phần hoặc toàn bộ văn bản được ban hành trái pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 103 của Nghị định này;".

30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 139 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do mình ban hành, liên tịch ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ;".

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Các cơ quan nhà nước chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản đó.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Trường hợp có sự chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được chuyển giao.

Trường hợp giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính thì Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính trước đó ban hành.".

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau:

"**Điều 141. Nguồn văn bản rà soát, hệ thống hóa**

Văn bản được sử dụng để rà soát, hệ thống hóa theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Bản gốc, bản chính;

2. Văn bản đăng trên công báo in, công báo điện tử;

3. Bản sao y, bản sao lục của cơ quan, người có thẩm quyền;

4. Văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

5. Văn bản trong Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.".

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 149 như sau:

"4. Người rà soát xem xét, xác định hiệu lực của văn bản được rà soát. Văn bản được xác định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần được đưa vào danh mục để công bố theo quy định tại Điều 157 của Nghị định này. Văn bản được xác định còn hiệu lực thì tiếp tục được rà soát về thẩm quyền và nội dung theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.".

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 155 như sau:

"**Điều 155. Rà soát và xử lý kết quả rà soát văn bản tại Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước khác**

1. Việc rà soát văn bản và xử lý kết quả rà soát tại Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo trình tự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quy định.

2. Việc rà soát văn bản và xử lý kết quả rà soát tại các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này được thực hiện theo quy định của các cơ quan đó.".

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 157 như sau:

"1. Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành văn bản hành chính công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của mình.

2. Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở trung ương và cấp tỉnh phải được đăng Công báo và đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan rà soát (nếu có). Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở cấp huyện và cấp xã phải được niêm yết tại các địa điểm quy định tại Điều 98 của Nghị định này và đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan rà soát (nếu có).".

35. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 160 như sau:

"1. Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định việc rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực nhằm xem xét, đánh giá lại các văn bản cùng điều chỉnh một hoặc nhiều nhóm quan hệ xã hội trong một khoảng thời gian cụ thể.".

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 162 như sau:

"2. Kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn phải được xây dựng thành báo cáo.

Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của hoạt động tổng rà soát văn bản, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc xây dựng các danh mục văn bản kèm theo báo cáo, bao gồm: Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản còn hiệu lực, gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần; Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

Các danh mục văn bản được lập theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành danh mục văn bản khác thì có thể được lập theo các mẫu quy định tại khoản này.".

37. Bổ sung khoản 3 vào Điều 163 như sau:

"3. Hình thức văn bản công bố kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn là văn bản hành chính.".

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 164 như sau:

"**Điều 164. Định kỳ hệ thống hóa văn bản**

Văn bản quy phạm pháp luật phải được định kỳ hệ thống hóa và công bố kết quả hệ thống hóa 05 năm một lần. Thời điểm ấn định văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa để công bố (sau đây gọi là thời điểm hệ thống hóa) là ngày 31 tháng 12 của năm thứ năm tính từ thời điểm hệ thống hóa kỳ trước.".

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 167 như sau:

"**Điều 167. Trình tự hệ thống hóa văn bản**

1. Tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa theo định kỳ bao gồm: các văn bản trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa trước và các văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa hiện tại, gồm cả văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa hiện tại nhưng chưa có hiệu lực.

2. Tập hợp kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa đã được thực hiện trước đó.

3. Kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung:

a) Kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa phải được kiểm tra lại để bảo đảm tính chính xác về hiệu lực của văn bản tính đến thời điểm hệ thống hóa;

b) Trường hợp kết quả rà soát văn bản phản ánh không cập nhật tình trạng pháp lý của văn bản hoặc phát hiện văn bản chưa được rà soát theo quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền rà soát phải tiến hành rà soát ngay theo quy định tại Nghị định này.

4. Lập các danh mục văn bản:

a) Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản còn hiệu lực, gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần và văn bản chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa; Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới;

b) Các danh mục văn bản được lập theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

5. Sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản:

Căn cứ vào danh mục văn bản còn hiệu lực, người thực hiện hệ thống hóa văn bản sắp xếp các văn bản thành Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực.

6. Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp công bố kết quả hệ thống hóa văn bản;

b) Kết quả hệ thống hóa văn bản gồm các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

c) Hình thức văn bản công bố kết quả hệ thống hóa văn bản là văn bản hành chính;

d) Kết quả hệ thống hóa văn bản phải được công bố chậm nhất là ngày 01 tháng 02 đối với văn bản của trung ương, ngày 01 tháng 3 đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp của năm liền sau năm cuối cùng của kỳ hệ thống hóa.

7. Kết quả hệ thống hóa văn bản phải được đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan hệ thống hóa văn bản (nếu có). Trường hợp cần thiết, cơ quan hệ thống hóa văn bản phát hành Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực bằng hình thức văn bản giấy.

Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở trung ương và cấp tỉnh phải được đăng Công báo. Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở cấp huyện và cấp xã phải được niêm yết tại địa điểm quy định tại Điều 98 của Nghị định này.

Trường hợp sau khi công bố, phát hiện các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực có sai sót thì tiến hành rà soát lại và đính chính.".

40. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 170 như sau:

"4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này cung cấp thông tin về tình hình, kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 186 của Nghị định này.".

41. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 175 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chuyên gia có năng lực phù hợp với từng công việc.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Nếu đã tham gia xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thì không tham gia thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đó.".

42. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 186 như sau:

"1. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này:

a) Đôn đốc, kiểm tra hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức và quản lý đội ngũ cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

c) Tổ chức mạng lưới thông tin, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

d) Sơ kết, tổng kết về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này cung cấp thông tin, kết quả về tình hình rà soát, hệ thống hóa văn bản để Bộ Tư pháp giúp Chính phủ tổng hợp, xây dựng báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.".

43. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 188 như sau:

"1. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 đang còn hiệu lực, chưa được kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa thì việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa được thực hiện theo quy định của Luật và Nghị định này.".

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

a) Bổ sung cụm từ "mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên" vào sau cụm từ "điều ước quốc tế" tại khoản 3 Điều 11;

b) Thay thế cụm từ "Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến" bằng cụm từ "Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý" tại khoản 6 Điều 10;

c) Thay thế cụm từ "nghị quyết" bằng cụm từ "dự thảo nghị quyết" tại khoản 2 Điều 34;

d) Thay thế từ "tiêu đề" bằng từ "tên" tại khoản 3 và các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 62;

đ) Bỏ cụm từ ", xác định còn hiệu lực" tại khoản 6 Điều 2;

e) Bỏ cụm từ "Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội" tại khoản 2 Điều 8;

g) Bỏ cụm từ "theo quy định tại khoản 2 Điều 134 và khoản 3 Điều 139 của Luật" tại khoản 3 Điều 54.

2. Bổ sung, thay thế một số phụ lục sau đây:

a) Bổ sung tên Phụ lục II như sau: "Sơ đồ, bố trí các thành phần thể thức văn bản quy phạm pháp luật";

b) Bổ sung tên Phụ lục III như sau: "Các mẫu về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật";

c) Bổ sung tên Phụ lục IV như sau: "Các mẫu về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật";

d) Bổ sung Phụ lục VI vào sau Phụ lục V;

đ) Thay thế Phụ lục I và Phụ lục V.

3. Bãi bỏ Điều 36; điểm c khoản 1 và khoản 6 Điều 143.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

CÁC MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị định số 154 /2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

I. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH MỚI, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	
Mẫu số 01	Nghị định của Chính phủ (quy định trực tiếp)
Mẫu số 02	- Nghị định của Chính phủ (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...) - Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ
Mẫu số 03	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
Mẫu số 04	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (quy định trực tiếp)
Mẫu số 05	- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...) - Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Mẫu số 06	Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
Mẫu số 07	Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (quy định trực tiếp)
Mẫu số 08	- Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (ban hành Quy định...) - Quy định... ban hành kèm theo thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
Mẫu số 09	Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (quy định trực tiếp)
Mẫu số 10	- Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (ban hành Quy định...) - Quy định... ban hành kèm theo thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Mẫu số 11	Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (quy định trực tiếp)
Mẫu số 12	- Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...) - Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
Mẫu số 13	Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
Mẫu số 14	Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước (quy định trực tiếp)

Mẫu số 15	- Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước (ban hành chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán) - Quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy trình kiểm toán ban hành kèm theo quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước
Mẫu số 16	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp)
Mẫu số 17	- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 18	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp)
Mẫu số 19	- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 20	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (quy định trực tiếp)
Mẫu số 21	- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện
Mẫu số 22	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (quy định trực tiếp)
Mẫu số 23	- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
Mẫu số 24	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã (quy định trực tiếp)
Mẫu số 25	- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã
Mẫu số 26	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (quy định trực tiếp)
Mẫu số 27	- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (ban hành Quy định/Quy chế...) - Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã
II. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU	
Mẫu số 28	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp)
Mẫu số 29	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...
Mẫu số 30	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều

Mẫu số 31	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)
Mẫu số 32	Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 33	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)
Mẫu số 34	Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 35	Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán)
Mẫu số 36	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)
Mẫu số 37	Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)
III. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	
Mẫu số 38	Nghị định của Chính phủ bãi bỏ Nghị định/các nghị định của Chính phủ
Mẫu số 39	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Mẫu số 40	Thông tư bãi bỏ Thông tư/các thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
Mẫu số 41	Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước
Mẫu số 42	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân bãi bỏ Nghị quyết/các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp
Mẫu số 43	Quyết định của Ủy ban nhân dân bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp
IV. MẪU PHỤ LỤC	
Mẫu số 44	Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật

I. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH MỚI, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ

Mẫu số 01. Nghị định của Chính phủ (quy định trực tiếp)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20...(1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ...tháng....năm 20...(1)...*

NGHỊ ĐỊNH

.....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng .... năm .....;
Căn cứ .....(3).....;
Theo đề nghị của .....(4).....;
Chính phủ ban hành Nghị định ..... (2).....

.....(5).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(5).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

.....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG (6)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.
(2) Tên nghị định.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.
(5) Nội dung của Nghị định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.
(6) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02. Nghị định của Chính phủ (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20...(1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ...tháng....năm 20...(1)...*

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành .....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ .....(3) ... ;

Theo đề nghị của .....(4).....;

Chính phủ ban hành Nghị định ..... (2).....

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này .....

.....(5).....

Điều 2. .....

.....

Điều. Trách nhiệm thực hiện .....

.....

Điều. .....

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên nghị định.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục....

(6) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo nghị định của Chính phủ

(*) CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ/ĐIỀU LỆ/DANH MỤC

……(1)……

(Kèm theo Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20 ... của Chính phủ)

……..(2)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều.. .....

.....

……..(2)…….

……..

Điều .. ..

.....

Điều.. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục....

(2) Nội dung của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 03. Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...(*)/20...(1).../NQLT-CP-ĐCTUBTUMTTQVN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...(1)...*

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH

.....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày... tháng...năm .....;

Căn cứ .....(3).....;

Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch hướng dẫn.....(2).....

.....(4).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều.. .....

.....

.....(4).....

.....

Điều.. .....

.....

Điều.. .....

.....

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM **CHỦ TỊCH (5b)** *(Chữ ký, dấu)*	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG (5a)** *(Chữ ký, dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).

Ghi chú:

(*) Nghị quyết liên tịch được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

(1) Năm ban hành nghị quyết liên tịch.

(2) Tên nghị quyết liên tịch.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Nội dung của nghị quyết liên tịch; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(5a) và (5b): Trường hợp Chính phủ chủ trì soạn thảo thì Thủ tướng Chính phủ ký thay mặt Chính phủ; trường hợp Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì soạn thảo thì Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký thay mặt Đoàn Chủ tịch và chuyển (5b) sang vị trí của (5a).

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Nghị quyết liên tịch được lưu tại cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (quy định trực tiếp)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20...(1).../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...(1)...*

QUYẾT ĐỊNH

…….(2)……...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm ……;

Căn cứ ……(3) ……;

Theo đề nghị của ……(4)……;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ……(2)……

……...(5)……

Điều 1. ……

……

Điều.. ……

……

……..(5)……

Điều. . ……

……

Điều. ……

……

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

THỦ TƯỚNG (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên quyết định.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

(5) Nội dung của Quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(6) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 05. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20...(1).../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...(1)...*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành .....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ .....(3).....;

Theo đề nghị của .....(4) .....;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định .....(2).....

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này .....

..... (5) .....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

THỦ TƯỚNG (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Năm ban hành.
(2) Tên quyết định.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
(5) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...
(6) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

(*) THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ/ĐIỀU LỆ/DANH MỤC...
……..(1)……..
(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-TTg
ngày ... tháng ... năm 20... của Thủ tướng Chính phủ)

……..(2)…….
……..

Điều 1. .....

.....

Điều.. .....

.....

……..(2)…….
……..

Điều. . .....

.....

Điều. . .....

.....

Ghi chú:
(*) Đóng dấu treo.
(1) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...
(2) Nội dung của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 06. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1)/NQ-HĐTP	*Hà Nội, ngày...tháng...năm 20...(1)...*

NGHỊ QUYẾT

.....(2).....

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ: ..... (3).....;

Để áp dụng đúng và thống nhất quy định tại .....(4).....;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT NGHỊ:

.....(5).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(5).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên nghị quyết.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Quy định cần hướng dẫn áp dụng.

(5) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị của Tòa án nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo dự thảo nghị quyết và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 07. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (quy định trực tiếp)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(1)…/TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày...tháng...năm 20...(1)...*

THÔNG TƯ

……(2)……..

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày ...tháng ... năm ……;

Căn cứ …… (3) ……;

Theo đề nghị của ……(4)……;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư ……(2)……

…….(5)…….

……..

Điều 1. ……

……

Điều. ……

……

…….(5)…….

……..

Điều. ……

……

Điều. ……

……

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

CHÁNH ÁN (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên thông tư.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(5) Nội dung của thông tư; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chánh án, bên dưới ghi Phó Chánh án.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 08. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (ban hành quy định...)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(1).../TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày...tháng...năm 20...(1)...*

THÔNG TƯ

Ban hành .....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ .....(3) .....;

Theo đề nghị của .....(4).....;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư .....(2).....

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này .....(5) .....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

CHÁNH ÁN (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Năm ban hành.
(2) Tên thông tư.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
(5) Tên Quy định....
(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chánh án, bên dưới ghi Phó Chánh án.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định... ban hành kèm theo thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

(*) TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

……(1)……

(Kèm theo Thông tư số .../20.../TT-TANDTC
ngày ... tháng ... năm 20 ... của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

…….(2)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(2)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:
(*) Đóng dấu treo.
(1) Tên của Quy định.
(2) Nội dung của Quy định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 09. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (quy định trực tiếp)

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./20...(1).../TT-VKSNDTC	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1)...*

THÔNG TƯ

……..(2)……

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ ……(3)……;

Theo đề nghị của ……(4)……;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư ...(2)...

…….(5)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(5)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

VIỆN TRƯỞNG (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên thông tư.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(5) Nội dung của thông tư; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Viện trưởng, bên dưới ghi Phó Viện trưởng.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 10. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (ban hành Quy định...)

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./20...(1).../TT-VKSNDTC	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1)...*

THÔNG TƯ

Ban hành .....(2).....

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ .....(3)..... ;

Theo đề nghị của .....(4).....;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư....(2)..... .

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này .....(5) .....

.....

Điều 2. . .....

.....

Điều. . .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

VIỆN TRƯỞNG (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Năm ban hành.
(2) Tên thông tư.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
(5) Tên Quy định...
(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Viện trưởng, bên dưới ghi Phó Viện trưởng.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định... ban hành kèm theo thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

(*) VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH...

.....(1).....

(Kèm theo Thông tư số .../20.../TT-VKSNDTC ngày ... tháng ... năm 20 ... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

.....(2).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(2).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên Quy định.

(2) Nội dung của Quy định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 11. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (quy định trực tiếp)

BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(2).../TT-...(3)...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ

.....(4).....

Căn cứ .....(5).....;

Theo đề nghị của ..... (6) .....;

Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư .....(4).....

.....(7).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(7).....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(8)
Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.

(4) Tên thông tư.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(7) Nội dung của thông tư; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(8) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(9) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 12. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...

BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20...(2).../TT-...(3)...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ

Ban hành .....(4).....

Căn cứ .....(5).....;

Theo đề nghị của .....(6)..... ....;

Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư .....(4).....

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này .....(7) .....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(8)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.
(2) Năm ban hành.
(3) Chữ viết tắt tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.
(4) Tên thông tư.
(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.
(7) Tên Quy chế/Quy định/Điều lệ/Danh mục...
(8) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.
(9) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục ... ban hành kèm theo thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

(*) BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ/ĐIỀU LỆ/DANH MỤC...

.....(2).....

(Kèm theo Thông tư số .../20.../TT-... ngày ... tháng ... năm 20 ... của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)

.....(3).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(3).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên bộ, cơ quan ngang bộ.

(2) Tên Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 13. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

CƠ QUAN - CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...(2)../20..(3).../TTLT-...(4)...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...(3)...*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

……..(5)…….....

Căn cứ ……(6)……;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành.....(5)……

…….(7)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(7)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (8b)	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (8a)
(Chữ ký, dấu)	*(Chữ ký, dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Nơi nhận:
- ……..;
- Lưu: VT (...), ...(9). A.XX(10).

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan khác tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(2) Thông tư liên tịch được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư của cơ quan chủ trì soạn thảo.

(3) Năm ban hành.

(4) Chữ viết tắt tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(5) Tên thông tư liên tịch.

(6) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(7) Nội dung của thông tư liên tịch; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(8a) Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch.

(8b) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan đồng ban hành thông tư liên tịch; chức vụ của người ký thông tư liên tịch phải ghi đầy đủ, bao gồm chức danh và tên cơ quan, tổ chức; trường hợp cấp phó ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký.

(9) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Thông tư liên tịch được lưu tại cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị soạn thảo của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 14. Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước (quy định trực tiếp)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20...(1).../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày ... tháng .... năm 20...(1)....*

QUYẾT ĐỊNH

.....(2).....

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ .....(3).....

Theo đề nghị của .....(4).....

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định về ...(2) .....

.....(5).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(5).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Năm ban hành.
(2) Tên quyết định.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Chức danh của thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo.
(5) Nội dung của Quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.
(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán nhà nước, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 15. Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước (ban hành chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20...(1).../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày ... tháng .... năm 20...(1)....*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành .....(2).....

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ .....(3).....;

Theo đề nghị của .....(4).....;

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định ...(2).....

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này .....

..... (5) .....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Năm ban hành.
(2) Tên quyết định.
(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(4) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo.
(5) Tên chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy trình kiểm toán.
(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán nhà nước, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.
(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

(*) KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC/ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

……(1)……

(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-KTNN ngày ... tháng ... năm 20 ... của Tổng Kiểm toán nhà nước)

……(2)……

……

……

……

……

……

……

……

Ghi chú:
(*) Đóng dấu treo.
(1) Số và tên gọi của chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán.
(2) Nội dung của chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục... hoặc phần, mục, ...; phần, mục, điểm... (đối với chuẩn mực kiểm toán nhà nước).

Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20…(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

……(4)……..

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ....(1)
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ……(5)……;

Xét Tờ trình ……; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

…….(6)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(6)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm…

Nơi nhận:
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(4) Tên nghị quyết.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20…(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành .....(4).....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ...(1)
KHÓA...KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ .....(5).....;

Xét Tờ trình .....; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này.....(6).....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
(4) Tên nghị quyết.
(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Tên Quy định/Quy chế…
(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

(*) HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...

.....(2).....

(Kèm theo Nghị quyết số .../20.../NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 20... của Hội đồng nhân dân tỉnh ...(1))

.....(3).....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(3).....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy định/Quy chế.

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 18. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

.....(4).....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ .....(5).....;
Theo đề nghị của .....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

.....(7).....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(7).....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (8)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
(4) Tên quyết định.
(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.
(7) Nội dung của quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.
(8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
(9) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 19. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành .....(4).....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ...tháng ....năm.....;

Căn cứ .....(5).....;

Theo đề nghị của .....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này.....(7).....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (8)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(7) Tên Quy định/Quy chế...

(8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(9) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(*) ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...

……..(2)……

(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...(1))

…….(3)…….

……..

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(3)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 20. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (quy định trực tiếp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20…(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

……(4)……

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ... (1)
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ…..

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ ……(5)……;

Xét Tờ trình ……; Báo cáo thẩm tra của ……; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

……..(6)……

……

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(6)…….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX (9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Tên nghị quyết.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (ban hành Quy định/Quy chế...)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành .....(4).....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ....(1)
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ .....(5).....;

Xét Tờ trình ....., Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này.....(6) .....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Tên nghị quyết.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Tên Quy định/Quy chế...

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

(*) HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ.....

…….....(2)…….....

(Kèm theo Nghị quyết số .../20.../NQ-HĐND
ngày ... tháng ... năm 20... của Hội đồng nhân dân huyện ...(1))

……..(3)…….

……

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

…….(3)…….

……

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 22. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (quy định trực tiếp)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

.....(4).....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ...năm.....;

Căn cứ .....(5).....;

Theo đề nghị của .....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

.....(7).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(7).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (8)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(7) Nội dung của quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(9) Chữ ký viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 23. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành .....(3).....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ .....(5).....;
Theo đề nghị của .....(6).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này .....(7).....
.....

Điều 2. .....
.....

Điều. .....
.....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(9). A.XX(10).	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH (8)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.
(4) Tên quyết định.
(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.
(7) Tên Quy định/Quy chế...
(8) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
(9) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện

(*) ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...

.....(2).....

(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân huyện ...(1))

.....(3).....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

.....(3).....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 24. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã (quy định trực tiếp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20…(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

……(4)……..

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ …… (5) .....;
Xét Tờ trình ……; Báo cáo thẩm tra của....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

……..(6)…….

……

Điều 1. .....
.....
Điều. .....
.....

…….(6)…….

……..

Điều. .....
.....
Điều. .....
.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm …

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Tên nghị quyết.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 25. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã (ban hành Quy định/Quy chế...)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20…(2).../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành .....(4).....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ...(1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm .....;
Căn cứ .....(5) .....;
Xét Tờ trình .....; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này ..... (6) .....
.....

Điều 2. .....
.....

Điều. .....
.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).

CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành nghị quyết.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.
(4) Tên nghị quyết.
(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Tên Quy định/Quy chế...
(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã

(*) HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ/QUY ĐỊNH...

……..……..(2)……

(Kèm theo Nghị quyết số .../20.../NQ-HĐND
ngày ... tháng ... năm 20... của Hội đồng nhân dân xã ...(1))

……..(3)……

Điều 1. .....

.....

Điều. . .....

.....

…….(3)…….……

Điều. . .....

.....

Điều. . .....

.....

Ghi chú:
(*) Đóng dấu treo.
(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành Quy định/Quy chế...
(2) Tên Quy định/Quy chế...
(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

Mẫu số 26. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (quy định trực tiếp)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20...(2).../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH

.....(4) .....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ ..... (5) ....;
Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

..... (6) .....

.....

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

..... (6) .....

.....

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(8). A. XX(9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.
(4) Tên quyết định.
(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(6) Nội dung của quyết định; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.
(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.
(8) Chữ ký viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.
(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 27. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (2) .../QĐ-UBND	*... (3) ..., ngày ... tháng ... năm 20... (2) ...*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành ..... (4) .....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ....năm .....;

Căn cứ ..... (5) ....;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ..... (6) .....

.....

Điều 2. .....

.....

Điều. .....

.....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH (7)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Tên Quy định/Quy chế...

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Quy định/Quy chế... ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã

(*) ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH/QUY CHẾ...

…….. (2) ……

(Kèm theo Quyết định số .../20.../QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 20 ... của Ủy ban nhân dân xã ...(1))

…….. (3) …….

……

Điều 1. .....

.....

Điều. .....

.....

……. (3) …….

……..

Điều. .....

.....

Điều. .....

.....

Ghi chú:

(*) Đóng dấu treo.

(1) Tên xã, phường, thị trấn ban hành Quy định/Quy chế...

(2) Tên Quy định/Quy chế...

(3) Nội dung của Quy định/Quy chế...; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

II. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU

Mẫu số 28. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp)

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:... /20... (1) .../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1) ...*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định ..... (2)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Chính phủ ban hành Nghị định ..... (2) ..... .

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định ... (2) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ..... như sau:

"**Điều** (tên Điều)... .....

....."

2. Bổ sung Điều .....

....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị định ... (2) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản.... Điều.....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

4. Bãi bỏ các điểm.....khoản.....Điều .....

Điều.... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có)

Điều.... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày .....

2. Điều khoản chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị định này bãi bỏ (nếu có).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 29. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20...(1).../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...(1) ...*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục..... ..... ban hành kèm theo Nghị định ... (2) .....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Chính phủ ban hành Nghị định ..... (2) .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Nghị định ... (2) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều ... ."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Nghị định ... (2) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều...

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

4. Bãi bỏ các điểm.....khoản.....Điều.....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày .....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Nghị định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:	**TM. CHÍNH PHỦ**
- .....;	**THỦ TƯỚNG (5)**
- .....;	*(Chữ ký, dấu)*
- Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).	
	Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 30. Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều

CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……(*)/20… (1) …/NQLT-CP-ĐCTUBTUMTTQVN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ... (1) ...*

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết liên tịch ... (2) ...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;
Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ ..... (3) .....;
Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch ..... (2) .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết liên tịch ... (2)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều ...."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết liên tịch ... (2)

1. Bổ sung từ/cụm từ "…" vào sau từ/cụm từ "…" tại điểm.... khoản.... Điều.....
2. Thay thế từ/cụm từ "…" bằng từ/cụm từ "…" tại điểm.... khoản.... Điều....
3. Bỏ các từ/cụm từ "…" tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có) .....
3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có) .....

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CHỦ TỊCH (4b) *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**	**TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG (4a)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Nơi nhận:
- ……;
- Lưu: VT(…), ...(5). A.XX(6).

Ghi chú:

(*) Nghị quyết liên tịch sửa đổi, bổ sung được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

(1) Năm ban hành nghị quyết liên tịch.

(2) Số ký hiệu, tên nghị quyết liên tịch được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4a) và (4b): Trường hợp Chính phủ chủ trì soạn thảo thì Thủ tướng Chính phủ ký thay mặt Chính phủ; trường hợp Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì soạn thảo thì Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký thay mặt Đoàn Chủ tịch và chuyển (4b) sang vị trí của (4a).

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Nghị quyết liên tịch được lưu tại văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị soạn thảo của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(6) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 31. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20... (1) .../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ... (1) ...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Quyết định ... (2) ...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục ..... ban hành kèm theo Quyết định ... (2) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều).....
....."

2. Bổ sung Điều .....
...."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/ Quy chế/Điều lệ/Danh mục ..... ban hành kèm theo Quyết định ... (2) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản.... Điều.....

2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều....

3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....

4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .....

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....

3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).

THỦ TƯỚNG (5)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ soạn thảo quyết định.

(5) Thủ tướng Chính phủ; trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 32. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (1) .../NQ-HĐTP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1) ....*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ... (2) ...

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày ...tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) ....;

Để áp dụng đúng và thống nhất quy định tại ..... (4) ....;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ... (2) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết ... (2) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(5). A.XX(6).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên nghị quyết được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Quy định cần hướng dẫn áp dụng.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị của Tòa án nhân dân tối cao chủ trì trình dự thảo nghị quyết và số lượng bản lưu.

(6) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 33. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục...)

TÊN CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20... (2) .../TT-... (3) ...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (2) ...*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư ... (4) ...

Căn cứ ..... (5) .....;

Theo đề nghị của ..... (6) .....;

Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Chánh án Tòa án nhân dân tối cao/Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư ... (4) .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư ... (4) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Thông tư ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục... ban hành kèm theo Thông tư ... (4) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Thông tư này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)**
- .....;	*(Chữ ký, dấu)*
- .....;	
- Lưu: VT, (8)... A.XX....(9)...	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên bộ, cơ quan ngang bộ/Tòa án nhân dân tối cao/Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên bộ, cơ quan ngang bộ/Tòa án nhân dân tối cao/Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(4) Số ký hiệu, tên thông tư được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(7) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Chánh án/Viện trưởng; trường hợp cấp phó được giao ký thay người đứng đầu cơ quan thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 34. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ sửa đổi, bổ sung một số điều

CƠ QUAN-CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...(*)/20... (2) .../TTLT-... (3) ...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (2) ...*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch ... (4) ...

Căn cứ ..... (5) .....;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch.... (4) ...

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch ... (4) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều như sau:

"**Điều** (tên điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Thông tư liên tịch ... (4)

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có).....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Thông tư liên tịch này bãi bỏ (nếu có) .....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6b) *(Chữ ký, dấu)*	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (6a) *(Chữ ký, dấu)*
Họ và tên	**Họ và tên**

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: VT, ...(7). A.XX.(8).

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan khác tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(*) Thông tư liên tịch được đăng ký và ghi số thứ tự tại văn thư của cơ quan chủ trì soạn thảo.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan chủ trì và tên cơ quan tham gia ban hành thông tư liên tịch.

(4) Số ký hiệu, tên thông tư liên tịch được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6a) Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch.

(6b) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan đồng ban hành thông tư liên tịch; chức vụ của người ký thông tư liên tịch phải ghi đầy đủ, bao gồm chức danh và tên cơ quan, tổ chức; trường hợp cấp phó ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo cơ quan chủ trì và cơ quan (tổ chức) tham gia và số lượng bản lưu. Thông tư liên tịch được lưu tại văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo; lưu hồ sơ tại đơn vị soạn thảo của cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan (tổ chức) tham gia ban hành.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 35. Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../20... (1) .../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1) ...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/ quy trình kiểm toán ... ban hành kèm theo Quyết định ... (2) ...

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định ... (2) .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán ... ban hành kèm theo Quyết định ... (2) .....

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quyết định ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chuẩn mực kiểm toán nhà nước/quy trình kiểm toán ... ban hành kèm theo Quyết định ... (2)

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản..... Điều.....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:	**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (5)**
- .....;	*(Chữ ký, dấu)*
- .....;	
- Lưu: VT, ...(6)... A.XX(7).	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(5) Trường hợp Phó Tổng Kiểm toán nhà nước được giao ký thay Tổng Kiểm toán nhà nước thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 36. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20... (2) .../NQ-HĐND	*... (3) ..., ngày ... tháng ... năm 20 ... (2) ...*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Nghị quyết ... (4) ...

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (5) .....;

Xét Tờ trình .....; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Nghị quyết ... (4) ...

1. Sửa đổi, bổ sung Điều ... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Nghị quyết ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Nghị quyết ... (4) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản..... Điều....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,...(7). A.XX(8).

CHỦ TỊCH (6)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Số ký hiệu, tên nghị quyết được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 37. Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...)

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20... (2) .../QĐ-UBND	*... (3) ..., ngày ... tháng ... năm 20 ... (2) ...*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ban hành kèm theo Quyết định ... (4) ...

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ ..... (5) .....;

Theo đề nghị của ..... (6) .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Quyết định ... (4) ...:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều.... như sau:

"**Điều** (tên Điều). .....
....."

2. Bổ sung Điều .....
....."

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều... của Quyết định ... (4) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Quyết định ... (4) ...

1. Bổ sung từ/cụm từ "..." vào sau từ/cụm từ "..." tại điểm... khoản.... Điều....
2. Thay thế từ/cụm từ "..." bằng từ/cụm từ "..." tại điểm.... khoản.... Điều.....
3. Bỏ các từ/cụm từ "..." tại điểm..... khoản..... Điều.....
4. Bãi bỏ các điểm..... khoản..... Điều .....

Điều ... Trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) .....

Điều ... Điều khoản thi hành .....

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .....
2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....
3. Quyết định này bãi bỏ (nếu có) .....

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- .....;	**CHỦ TỊCH (7)**
- .....;	*(Chữ ký, dấu)*
- Lưu: VT,...(8). A.XX(9).	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên Ủy ban nhân dân ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn, nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Số ký hiệu, tên quyết định được sửa đổi, bổ sung.

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị soạn thảo quyết định.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

III. MẪU VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mẫu số 38. Nghị định của Chính phủ bãi bỏ Nghị định/các nghị định của Chính phủ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20... (1) .../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ...tháng....năm 20... (1) ...*

NGHỊ ĐỊNH
Bãi bỏ Nghị định (2)/các nghị định của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng .... năm .....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Chính phủ ban hành Nghị định bãi bỏ Nghị định (2)/các nghị định.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị định (2)/các nghị định

Bãi bỏ toàn bộ Nghị định (2)/các nghị định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Nghị định (2)/các nghị định (nếu có)

Bãi bỏ Điều/khoản/điểm của Nghị định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ...năm...

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).	**TM. CHÍNH PHỦ** **THỦ TƯỚNG (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên nghị định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của nghị định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 39. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20... (1) .../QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày ...tháng...năm 20... (1) ...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần Quyết định (2)/các quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm .....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Theo đề nghị của ..... (4) .....;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Quyết định số.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ...năm ...

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).	**THỦ TƯỚNG (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo quyết định.

(5) Trường hợp Phó Thủ tướng được giao ký thay Thủ tướng Chính phủ thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Thủ tướng, bên dưới ghi Phó Thủ tướng.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ phối hợp trình dự thảo nghị định và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 40. Thông tư bãi bỏ Thông tư/các thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

CƠ QUAN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (2) .../TT-... (3) ...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (2)...*

THÔNG TƯ
Bãi bỏ Thông tư (4)/các thông tư ... (1) ...

Căn cứ ..... (5) .....;

Theo đề nghị của ..... (6) .....;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao/Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao/Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư .....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Thông tư (4)/các thông tư

Bãi bỏ toàn bộ Thông tư (4)/các thông tư sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Thông tư (4)/các thông tư

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Thông tư.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ... tháng ...năm ...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tên bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư.

(2) Năm ban hành.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành thông tư.

(4) Tên thông tư bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của thông tư).

(5) Căn cứ pháp lý để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư.

(7) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

Mẫu số 41. Quyết định của Tổng Kiểm toán bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20... (1) .../QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20... (1) ...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định (2)/các quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) .....

Theo đề nghị của ..... (4) .....

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định .....

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (2)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (2)/các quyết định (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm.....của Quyết định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(6). A.XX(7).	**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (5)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Năm ban hành.

(2) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Chức danh của thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo.

(5) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Tổng Kiểm toán nhà nước, bên dưới ghi Phó Tổng Kiểm toán nhà nước.

(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(7) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 42. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân bãi bỏ Nghị quyết/các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (2) .../NQ-HĐND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

NGHỊ QUYẾT
Bãi bỏ Nghị quyết (4)/các nghị quyết của Hội đồng nhân dân .....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (5) .....;

Xét Tờ trình .....; Báo cáo thẩm tra của....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết (4)/các nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết (4)/các nghị quyết sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Nghị quyết (4)/các nghị quyết (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Nghị quyết.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ...năm ...

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...(1)... Khóa... Kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(7). A.XX(8).	**CHỦ TỊCH (6)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn ban hành nghị quyết.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn, nơi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết đóng trụ sở.

(4) Tên nghị quyết bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của nghị quyết).

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(7) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 43. Quyết định của Ủy ban nhân dân bãi bỏ Quyết định/các quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../20... (2) .../QĐ-UBND	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...(2)...*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định (4)/các quyết định của Ủy ban nhân dân (1).....

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (5) .....;

Theo đề nghị của ..... (6) .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (4)/các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định (4)/các quyết định sau đây:

Điều 2. Bãi bỏ một phần Quyết định (4)/các quyết định (nếu có)

Bãi bỏ Điều, khoản, điểm..... của Quyết định.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ...năm ...

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(8). A.XX(9).	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH (7)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/quận, huyện, thị xã/xã, phường, thị trấn nơi Ủy ban nhân dân ban hành quyết định đóng trụ sở.

(4) Tên quyết định bị bãi bỏ (ghi rõ số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tên gọi của quyết định).

(5) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(6) Cơ quan đề nghị.

(7) Trường hợp cấp phó được giao ký thay thì ghi chữ viết tắt "KT." vào trước Chủ tịch, bên dưới ghi Phó Chủ tịch.

(8) Chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu.

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

IV. MẪU PHỤ LỤC

Mẫu số 44. Phụ lục ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật

---

Phụ lục
(Ban hành kèm theo……)

Phụ lục I *(nếu có)*
(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

……

……

Phụ lục II *(nếu có)*
(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

……

……

Phụ lục … *(nếu có)*
(TÊN CỦA PHỤ LỤC)

……

……

Phụ lục V

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH, TỜ TRÌNH, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị định số 154 /2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
Mẫu số 03	Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật
Mẫu số 04	Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội
Mẫu số 05	Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội
Mẫu số 06	Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ
Mẫu số 07	Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 08	Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 09	Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 10	Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
Mẫu số 11	Đề cương chi tiết nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều



Mẫu số 01. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-...(2)...	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(tên đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

Phần này nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bất cập tổng quan cần giải quyết và mục tiêu chung của chính sách.

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể

- Mục tiêu cụ thể

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Phần này liệt kê từng vấn đề chính sách cụ thể cần giải quyết. Việc phân tích mỗi vấn đề chính sách bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân); mục tiêu để giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất (trong đó bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng); đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

1. Chính sách 1:

1.1. Xác định vấn đề bất cập

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

2. Chính sách 2:

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

3. Chính sách 3:

3.1. Xác định vấn đề bất cập

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

...

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách (mô tả các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý).

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách.

V. PHỤ LỤC

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...(5).A.XX(6)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (4)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức soạn thảo báo cáo.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức xây dựng báo cáo.

(3) Địa danh.

(4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(5) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì lập đề nghị và số lượng bản lưu (nếu cần).

(6) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02. Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRÌNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TTr-... (2) ...	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...*

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng ... (4) ...

Kính gửi: ..... (5) .....

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ... (1) ... kính trình ... (5) ... đề nghị xây dựng ... (4) ... như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

2. Quan điểm xây dựng văn bản

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1:

- Mục tiêu của chính sách
- Nội dung của chính sách
- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

2. Chính sách 2:

- Mục tiêu của chính sách
- Nội dung của chính sách
- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

....

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng ……. (4) ...., ... (1) ... xin kính trình .... (5) .... xem xét, quyết định./.

(*Xin gửi kèm theo*:… (6)).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …..(8).A.XX(9)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (7)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức trình văn bản.
(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản.
(3) Địa danh.
(4) Tên luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
(5) Tên cơ quan có thẩm quyền xem xét đề nghị xây dựng văn bản.
(6) Các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
(7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan đề nghị xây dựng văn bản.
(8) Chữ viết tắt tên cơ quan/đơn vị chủ trì lập đề nghị và số lượng bản lưu (nếu cần).
(9) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03. Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRÌNH(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TTr-... (2) ...	*...(3)..., ngày ... tháng ... năm 20...*

TỜ TRÌNH
Dự án/dự thảo ... (4) ...

Kính gửi: ..... (5) .....

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật .... (1) ... kính trình ... (5) ... dự án/dự thảo ... (4) ... như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN/DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

2. Quan điểm xây dựng dự án/dự thảo văn bản

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN/DỰ THẢO VĂN BẢN

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN/DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự án/dự thảo ..... (4) ...., ... (1) ... xin kính trình .... (5) .... xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:... (6)).

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - .....; - Lưu: VT, ...(8).A.XX(9)	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** (7) *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức trình văn bản.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức đề nghị xây dựng văn bản.

(3) Địa danh.

(4) Tên văn bản quy phạm pháp luật.

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền xem xét dự án/dự thảo văn bản.

(6) Các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì lập đề nghị và số lượng bản lưu (nếu cần).

(9) Ký hiệu người soạn thảo, số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04. Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: .../20.../QH...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT (*)

... (1) ...

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật ... (1)...

Phần I (nếu có)

(tên của phần)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Luật này quy định..... (2) .....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Luật này áp dụng đối với..... (3) .....

Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "..." là ... (4) .....

Điều 4. (tên điều)

1. ..... (5) .....

a) .....

Chương ... (6)

Điều ..... (7) .....

Điều . .....

Chương ...

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều ... Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Luật … (8) … số…/20…/QH… hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều … Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1. ..... (9) .....

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Quốc hội

(1) Tên luật.

(2) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo luật điều chỉnh.

(3) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của luật thì trong dự thảo luật không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Trong trường hợp Điều 1 không chỉ rõ đối tượng áp dụng thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà luật này sẽ áp dụng.

Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo luật.

(4) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo luật có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.

(5) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

(6) Tùy thuộc nội dung của dự thảo luật có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.

(7) Thuyết minh rõ nội dung của điều (có thể không cần thiết kế thành điều cụ thể).

(8) Liệt kê các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có).

(9) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 05. Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Pháp lệnh số:.../20.../UBTVQH...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

PHÁP LỆNH (*)

... (1) ...

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh ...(1)...

Phần I (nếu có)

(tên của phần)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Pháp lệnh này quy định..... (2) .....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Pháp lệnh này áp dụng đối với..... (3) .....

Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "..." là ... (4) .....

Điều 4. (tên điều)

1. ..... (5) .....

a) .....

Chương ... (6)

Điều ..... (7) .....

Điều .....

Chương ...

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều ... Hiệu lực thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Pháp lệnh ...(8)... số.../20.../QH... hết hiệu lực kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

Điều ... Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1. ..... (9) .....

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

(1) Tên pháp lệnh.

(2) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo pháp lệnh điều chỉnh.

(3) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của pháp lệnh thì trong dự thảo pháp lệnh không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Trong trường hợp Điều 1 không chỉ rõ đối tượng áp dụng thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà pháp lệnh này sẽ áp dụng.

Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo pháp lệnh.

(4) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo pháp lệnh có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.

(5) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

(6) Tùy thuộc nội dung của dự thảo pháp lệnh có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.

(7) Thuyết minh rõ nội dung của điều (có thể không cần thiết kế thành điều cụ thể).

(8) Liệt kê các pháp lệnh của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày pháp lệnh này có hiệu lực (nếu có).

(9) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 06. Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../20.../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ...tháng...năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ ĐỊNH
...(1)...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng .... năm .....;
Căn cứ ..... (2) .....;
Theo đề nghị của ..... (3) .....;
Chính phủ ban hành Nghị định..... (1) .....

Phần I (nếu có)
(tên của phần)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (nếu có)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)
Nghị định này quy định..... (4) .....
Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)
Nghị định này áp dụng đối với..... (5) .....
Điều 3. Giải thích từ ngữ (nếu có)
Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:.....
1. "..." là ..... (6) .....
Điều 4. (tên điều)
1. ..... (7) .....
a) ...

Chương ... (8)
QUY ĐỊNH...

Điều..... (9) .....
Điều.....

Chương ...
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều ... Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Nghị định... (10) ... số.../.../NĐ-CP... hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều ... Quy định chuyển tiếp (nếu có)

1. ..... (11) .....

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;
- Lưu: VT, ... A.XX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Họ và tên

Ghi chú:
(1) Tên Nghị định.
(2) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).
(3) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.
(4) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo nghị định điều chỉnh. Thuyết minh về sự phù hợp của từng vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị định với tên gọi và mục đích ban hành nghị định.
(5) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của nghị định thì trong dự thảo nghị định thì không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Nếu chưa quy định tại Điều 1 thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà nghị định sẽ áp dụng. Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị định.
(6) Chỉ thiết kế điều này nếu trong dự thảo nghị định có sử dụng các thuật ngữ chuyên môn cần phải được hiểu đúng và thống nhất.
(7) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).
(8) Tùy thuộc nội dung của dự thảo nghị định có thể thiết kế thành chương, mục, tiểu mục. Thuyết minh rõ nội dung của chương, mục, tiểu mục (nếu cần). Nếu các điều đã thuyết minh thì không cần thuyết minh chương, mục, tiểu mục.
(9) Thuyết minh rõ nội dung của từng điều (không cần thiết kế thành điều khoản cụ thể).
(10) Liệt kê các nghị định của Chính phủ sẽ hết hiệu lực kể từ ngày nghị định này có hiệu lực (nếu có).
(11) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp (nếu có).

Mẫu số 07. Đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:../20.../NQ-HĐND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT

..... (2) .....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ... (1)
KHÓA ... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (3) .....;

Xét Tờ trình .....;
Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

..... (4) .....

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (nếu có)

Nghị quyết này quy định..... (5) .....

Điều 2. Đối tượng áp dụng (nếu có)

Nghị quyết này áp dụng đối với..... (6) .....

Điều 3. (tên điều)

..... (7) .....

Điều. (quy định chuyển tiếp (nếu có)......

.....

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ... (1) ... Khóa... Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ... A.XX

CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Tên nghị quyết.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Nội dung của nghị quyết; tùy từng trường hợp, có thể kết cấu thành phần, chương, mục, tiểu mục.

(5) Liệt kê những vấn đề mà dự thảo nghị quyết điều chỉnh. Thuyết minh về sự phù hợp của từng vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết với tên gọi và mục đích ban hành nghị quyết.

(6) Nếu tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, mà trong đó đã chỉ rõ các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của nghị quyết thì trong dự thảo nghị quyết thì không cần phải thiết kế điều riêng về đối tượng áp dụng. Nếu chưa quy định tại Điều 1 thì liệt kê các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà nghị quyết này sẽ áp dụng. Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết.

(7) Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều (có thể quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm).

Mẫu số 08. Đề cương chi tiết dự thảo luật của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều

---

QUỐC HỘI Luật số: .../20.../QH...	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT (*)
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ...(1)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật...(1).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật (1)...

1. Sửa đổi điểm .... khoản ... Điều ... (2) .....

2. Bổ sung Điều ..... (3).....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật (1) ...

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Luật (1) .....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Luật (1) .....

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Luật ... (4) ... số.../20.../QH... hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... (5) .....

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều, thực hiện theo mẫu nghị quyết sửa đổi, bổ sung văn bản của Quốc hội.

(1) Tên, số ký hiệu của luật sửa đổi, bổ sung.

(2) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(3) Nêu rõ nội dung của điều.

(4) Liệt kê các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có).

(5) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 09. Đề cương chi tiết dự thảo pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều

---

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI Pháp lệnh số: …/20…/UBTVQH…	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

PHÁP LỆNH (*)

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ...(1)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ...(1).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh (1) …

1. Sửa đổi điểm … khoản … Điều … (2) .....

2. Bổ sung Điều ……. (3) .....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1) …

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1) .....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Pháp lệnh (1) .....

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Pháp lệnh...(4)...số.../20.../QH... hết hiệu lực từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... (5) .....

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:
(*) Đối với đề cương chi tiết nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện theo mẫu nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
(1) Tên, số ký hiệu của pháp lệnh sửa đổi, bổ sung.
(2) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.
(3) Nêu rõ nội dung của điều.
(4) Liệt kê các pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày pháp lệnh này có hiệu lực.
(5) Thuyết minh lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 10. Đề cương chi tiết dự thảo nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:... /20.../NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định ...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ ..... (2) .....;

Theo đề nghị của ..... (3) .....;

Chính phủ ban hành Nghị định ..... (1) .....

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định ...(1)

1. Sửa đổi điểm .... khoản ... Điều ... (4) .....

2. Bổ sung Điều ..... (5) .....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị định ...(1)

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị định....(1)....

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị định...(1)...

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ..... (1) .....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Nghị định... (6) ... số.../.../NĐ-CP... hết hiệu lực từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Quy định chuyển tiếp (nếu có)..... (7) .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ... A.XX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên Nghị định sửa đổi, bổ sung.

(2) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(3) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định.

(4) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5) Nêu rõ nội dung của điều.

(6) Liệt kê các nghị định của Chính phủ sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (nếu có).

(7) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Mẫu số 11. Đề cương chi tiết nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../20.../NQ-HĐND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ... (2) .../Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế ... ban hành kèm theo Nghị quyết ...(2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ... (1)
KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ ..... (3) .....;
Xét Tờ trình .....; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết ...(2)

1. Sửa đổi điểm .... khoản ... Điều ... (4) .....

2. Bổ sung Điều ..... (5) .....

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị quyết ...(2)

1. Bổ sung một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị quyết...(2)...

2. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị quyết...(2)...

3. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ.....

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

Quy định chuyển tiếp (nếu có) .....(6).....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.... A.XX.

CHỦ TỊCH

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nghị quyết.

(2) Tên nghị quyết.

(3) Căn cứ khác để ban hành, ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và tên gọi của văn bản (riêng luật, pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

(4) Nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

(5) Nêu rõ nội dung của điều.

(6) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyển tiếp.

Phụ lục VI

VIẾT HOA TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị định số 154 /2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

I. VIẾT HOA VÌ PHÉP ĐẶT CÂU

1. Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất của một câu hoàn chỉnh: sau dấu chấm câu (.); sau dấu hai chấm trong ngoặc kép (:"..."); khi xuống dòng hoặc bắt đầu đoạn.

2. Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất của khoản, điểm.

II. VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG CHỈ TÊN NGƯỜI

1. Danh từ riêng chỉ tên người Việt Nam:

a) Tên thông thường: Viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết của danh từ riêng chỉ tên người.

Ví dụ: Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, Giàng A Pao, Kơ Pa Kơ Lơng.

b) Tên hiệu, tên gọi nhân vật lịch sử: Viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết.

Ví dụ: Vua Hùng, Bà Triệu, Ông Gióng, Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ, Bác Hồ, Cụ Hồ.

2. Danh từ riêng chỉ tên người nước ngoài được phiên âm chuyển sang tiếng Việt:

a) Trường hợp phiên âm sang âm Hán - Việt: Viết theo quy tắc viết tên người Việt Nam.

Ví dụ: Kim Nhật Thành, Mao Trạch Đông, Thành Cát Tư Hãn.

b) Trường hợp phiên âm không sang âm Hán - Việt (phiên âm trực tiếp sát cách đọc của nguyên ngữ): Viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất trong mỗi thành phần.

Ví dụ: Vla-đi-mia I-lích Lê-nin, Phri-đrích Ăng-ghen, Phi-đen Cat-xtơ-rô.

III. VIẾT HOA TÊN ĐỊA LÝ

1. Tên địa lý Việt Nam:

a) Tên đơn vị hành chính được cấu tạo giữa danh từ chung (tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn) với tên riêng của đơn vị hành chính đó: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết tạo thành tên riêng và không dùng gạch nối.

Ví dụ: thành phố Thái Nguyên, tỉnh Nam Định, tỉnh Đắk Lắk; quận Hải Châu, huyện Gia Lâm, huyện Ea H'leo, thị xã Sông Công, thị trấn Cầu Giát; phường Nguyễn Trãi, xã Ia Yeng, phường Điện Biên Phủ.

b) Trường hợp tên đơn vị hành chính được cấu tạo giữa danh từ chung kết hợp với chữ số: Viết hoa cả danh từ chung chỉ đơn vị hành chính đó.

Ví dụ: Phường 15, Quận 8.

c) Trường hợp viết hoa đặc biệt: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Tên địa lý được cấu tạo giữa danh từ chung chỉ địa hình (sông, núi, hồ, biển, cửa, bến, cầu, vũng, lạch, vàm v.v...) với danh từ riêng (có một âm tiết) trở thành tên riêng của địa danh đó: Viết hoa tất cả các chữ cái tạo nên địa danh.

Ví dụ: Cửa Lò, Vũng Tàu, Lạch Trường, Vàm Cỏ, Cầu Giấy.

Trường hợp danh từ chung chỉ địa hình đi liền với danh từ riêng: Không viết hoa danh từ chung mà chỉ viết hoa danh từ riêng.

Ví dụ: biển Cửa Lò, chợ Bến Thành, sông Vàm Cỏ, vịnh Hạ Long.

đ) Tên địa lý chỉ một vùng, miền, khu vực nhất định được cấu tạo bằng từ chỉ phương hướng kết hợp với từ chỉ phương thức khác: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết tạo thành tên gọi. Đối với tên địa lý chỉ vùng, miền riêng được cấu tạo bằng từ chỉ phương hướng kết hợp với danh từ chỉ địa hình thì viết hoa các chữ cái đầu mỗi âm tiết.

Ví dụ: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Bộ, Nam Kỳ, Nam Trung Bộ.

2. Tên địa lý nước ngoài được phiên âm chuyển sang tiếng Việt:

a) Tên địa lý đã được phiên âm sang âm Hán - Việt: Viết theo quy tắc viết hoa tên địa lý Việt Nam.

Ví dụ: Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, Pháp, Anh, Mỹ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha.

b) Tên địa lý phiên âm không sang âm Hán - Việt (phiên âm trực tiếp sát cách đọc của nguyên ngữ): Viết hoa theo quy tắc viết hoa tên người nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Mục II.

Ví dụ: Mát-xcơ-va, Men-bơn, Sing-ga-po, Cô-pen-ha-ghen, Béc-lin.

IV. VIẾT HOA TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Tên cơ quan, tổ chức của Việt Nam:

Viết hoa chữ cái đầu của các từ, cụm từ chỉ loại hình cơ quan, tổ chức; chức năng, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức. Ví dụ:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Nội chính Trung ương; Ban Kinh tế Trung ương,...;

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Hội đồng Dân tộc; Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tư pháp; Ủy ban Pháp luật...

- Ban Công tác đại biểu; Ban Dân nguyện;

- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;

- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; Kiểm toán nhà nước;

- Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Ủy ban Dân tộc...;

- Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam...;

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội, Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định...;

- Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân quận Ba Đình, Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản...;

- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan...;

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư...;

- Vụ Tổng hợp, Vụ Hợp tác quốc tế, Phòng Nghiên cứu khoa học, Phòng Chính sách xã hội, Hội đồng Thi tuyển viên chức...

2. Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài:

a) Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài đã dịch nghĩa: Viết hoa theo quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức của Việt Nam.

Ví dụ: Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

b) Tên cơ quan, tổ chức nước ngoài được sử dụng trong văn bản ở dạng viết tắt: Viết bằng chữ in hoa như nguyên ngữ hoặc chuyển tự La-tinh nếu nguyên ngữ không thuộc hệ La-tinh.

Ví dụ: WTO; UNDP; UNESCO; ASEAN; SNG.

V. VIẾT HOA CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC

1. Danh từ thuộc trường hợp đặc biệt: Nhân dân (khi sử dụng như danh từ chỉ tên riêng, thể hiện sự trang trọng), Nhà nước (chỉ tên riêng Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi Nhà nước sử dụng như danh từ riêng).

2. Tên các huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết của các thành phần tạo thành tên riêng và các từ chỉ thứ, hạng.

Ví dụ: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Nghệ sĩ Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang.

3. Tên chức vụ, học vị, danh hiệu: Viết hoa tên chức vụ, học vị nếu đi liền với tên người cụ thể.

Ví dụ:

- Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách...

- Giáo sư Tiến sĩ khoa học Phạm Văn M, Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Văn H.

4. Tên các ngày lễ, ngày kỷ niệm: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết tạo thành tên gọi ngày lễ, ngày kỷ niệm.

Ví dụ: ngày Quốc khánh 2-9, ngày Tổng tuyển cử đầu tiên, ngày Truyền thống Văn phòng Quốc hội, ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.

5. Tên các loại văn bản: Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản trong trường hợp nói đến một văn bản cụ thể.

Ví dụ: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Bộ luật Hình sự; Luật Tổ chức Quốc hội, Luật An toàn vệ sinh lao động,...

6. Trường hợp viện dẫn phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của một văn bản cụ thể thì viết hoa chữ cái đầu của phần, chương, mục, tiểu mục, điều.

Ví dụ:

- Căn cứ Điều 10 của Luật Tổ chức Quốc hội...

- Căn cứ khoản 4 Điều 18 của Luật An toàn vệ sinh lao động...

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự...

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Tiểu mục 1 Mục 1 Chương III của Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14...

7. Tên các năm âm lịch, ngày tết, ngày và tháng trong năm:

a) Tên các năm âm lịch: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết tạo thành tên gọi.

Ví dụ: Kỷ Tỵ, Tân Hợi, Mậu Tuất, Mậu Thân.

b) Tên các ngày tết: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi.

Ví dụ: tết Nguyên đán, tết Đoan ngọ, tết Trung thu.

Viết hoa chữ Tết trong trường hợp dùng để thay cho một tết cụ thể (như Tết thay cho tết Nguyên đán).

c) Tên các ngày trong tuần và tháng trong năm: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết chỉ ngày và tháng trong trường hợp không dùng chữ số:

Ví dụ: thứ Hai, thứ Tư, tháng Năm, tháng Tám...

8. Tên các sự kiện lịch sử và các triều đại: Viết hoa chữ cái đầu của các âm tiết tạo thành sự kiện và tên sự kiện, trong trường hợp có các con số chỉ mốc thời gian thì ghi bằng chữ và viết hoa chữ đó. Ví dụ: Triều Lý, Triều Trần, Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, Cách mạng tháng Tám,...

9. Tên các tác phẩm, sách báo, tạp chí: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên tác phẩm, sách báo. Ví dụ: từ điển Bách khoa toàn thư, tạp chí Cộng sản,...